TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2024/DS-ST
Ngày: 07 - 8 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Sâm

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:* Bà Trần Thị Tỉnh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N1 (A1)

Địa chỉ trụ sở: Số B L, quận B, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Văn N - Phó Giám đốc Ngân hàng N2, chi nhánh T1. Có mặt.

(Theo Quyết định về việc Ủy quyền liên quan đến hoạt động tố tụng và thi hành án số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022).

- *Bị đơn:* 1. Ông Lê Ngọc T, sinh năm 1968; Vắng mặt.

2. Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1973; Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Lê Ngọc Đ, sinh năm 1993; Vắng mặt.

2. Anh Lê Minh A, sinh năm 1997; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Căn cứ Hồ sơ xin vay vốn ngân hàng và nhu cầu thực tế của gia đình ông Lê Ngọc T. Ngày 17/01/2020 bà Hoàng Thị H (là vợ ông Lê Ngọc T) có viết giấy ủy quyền, ủy quyền cho ông T là người đại diện thay mặt, xác lập và thực hiện các giao dịch liên quan đến việc vay vốn tại Ngân hàng N1, chi nhánh huyện T1. Ngày 18/01/2020 Ngân hàng N1 - Chi nhánh huyện T1 và ông Lê Ngọc T đã ký kết Hợp đồng tín dụng 3511-LAV-202000526. Cụ thể: ông Lê Ngọc T và bà Hoàng Thị H vay vốn với tổng số tiền: 280.000.000 đ (Bằng chữ: Hai trăm tám mươi triệu đồng); Phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức quy mô nhỏ; Kỳ hạn trả gốc: 21/01/2023; Mục đích vay: Sản xuất chăn nuôi trông trọt tổng hợp; Lãi suất vay: Trong hạn là: 9%/năm; Lãi suất quá hạn là: 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm quá hạn.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Hộ ông Lê Ngọc T, bà Hoàng Thị H tại Thửa đất số 141a, tờ bản đồ số 9; địa chỉ thửa đất: Xóm B (nay là thôn N), xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mang tên Hộ ông Lê Ngọc T và bà Hoàng Thị H, số giấy chứng nhận: AP 447319; Số vào sổ cấp GCN: H00891 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 05/01/2009 (Ngày 02/11/2016, được UBND huyện T đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất), được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3511/0023/29/2016 ký ngày 27/12/2016, đây là Hợp đồng thế chấp đã được hai bên ký kết trước đó để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm theo các hợp đồng tín dụng được ký kết, kể từ ngày 27/12/2016 giữa hai bên. Hợp đồng thế chấp được lập tại Văn phòng C và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện T theo đúng quy định, nên hai bên không ký lại hợp đồng thế chấp mới mà sử dụng Hợp đồng thế chấp trước đó để đảm bảo cho khoản vay trên.

Trong quá trình vay vốn ông Lê Ngọc T và bà Hoàng Thị H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng tín dụng và cam kết đối với Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, làm việc, đôn đốc ông T, bà H nhằm tìm cách tháo gỡ và khắc phục khó khăn tìm nguồn để trả nợ cho Ngân hàng, tuy nhiên ông T, bà H đã không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo các cam kết đã thỏa thuận.

Tạm tính đến ngày 07/8/2024 ông Lê Ngọc T và bà Hoàng Thị H còn nợ Ngân hàng N1 tổng số tiền như sau: Nợ gốc 260.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 16.364.056 đồng; Lãi quá hạn 18.922.192 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi: 295.286.248 đồng.

Việc Ông Lê Ngọc T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã gây ra nhiều khó khăn, thiệt hại cho Ngân hàng. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bên cho vay, Ngân hàng N1 khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau:

1. Buộc ông Lê Ngọc T và bà Hoàng Thị H phải trả nợ gốc cùng tiền lãi phát sinh tương ứng tại Hợp đồng tín dụng 3511-LAV-202000526 ngày 18 tháng 01 năm 2020, với tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 07/8/2024 là 295.286.248 đồng, trong đó: Nợ gốc 260.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 16.364.056 đồng; Lãi quá hạn 18.922.192 đồng và số lãi phát sinh từ ngày 08/8/2024 đến khi trả hết nợ, theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng.

2. Trường hợp ông Lê Ngọc T và bà Hoàng Thị H không trả được nợ, Ngân hàng có quyền đề nghị kê biên xử lý toàn bộ số tài sản thế chấp làm tài sản thi hành án thu hồi nợ cho Ngân hàng. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Hộ ông Lê Ngọc T, bà Hoàng Thị H tại Thửa đất số 141a, tờ bản đồ số 9; Địa chỉ thửa đất: Xóm B (nay là thôn N), xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là bà Hoàng Thị H trình bày:

Vào năm 2020 gia đình bà cần tiền để đầu tư chăn nuôi lợn, nên có lập hồ sơ vay vốn ngân hàng N1, chi nhánh huyện T1. Với số tiền vay gốc là 280.000.000 đồng, lãi suất 9%/năm; Kỳ hạn trả nợ theo hợp đồng là 21/01/2023. Để đảm bảo cho khoản vay gia đình bà có thế chấp tài sản của gia đình là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của gia đình tại thửa đất số 141a, tờ số 9, địa chỉ: thôn N, xã T, huyện T. Tài sản trên đất là 01 ngôi nhà 02 tầng làm năm 2008 và công trình phụ. Thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định, mang tên hộ ông Lê Ngọc T, bà Hoàng Thị H. Sau khi vay vốn thì hàng tháng gia đình bà trả lãi đều theo quy định. Đến tháng 9/2022 gia đình xin trả trước hạn để đảo số, cán bộ tín dụng bảo trả trước hạn phải chịu phạt hợp đồng. Nhưng sau đó không đảo được số, nên dẫn đến việc gia đình bà để khoản nợ bị quá hạn. Sau đó xảy ra dịch bệnh, chăn nuôi lơn chết, nên gia đình bà không có khả năng trả nợ ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện đòi nợ. Gia đình bà xác nhận còn nợ Ngân hàng N1, chi nhánh huyện T1 số tiền theo hợp đồng tín dụng là đúng và đồng ý trả nợ ngân hàng. Tuy nhiên do điều kiện gia đình bà hiện tại đang gặp rất nhiều khó khăn về kinh tế, nên xin ngân hàng tạo điều kiện cho gia đình bà được trả nợ dân hàng tháng và miễn giảm tiền lãi, lãi phạt và lãi quá hạn cho gia đình có điều kiện trả nợ.

Qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn Lê Ngọc T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (gồm: Anh Lê Ngọc

Đ và anh Lê Minh A) theo quy định, nhưng ông T, anh Đ và anh A đều vắng mặt không có lý do, cũng không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của minh, nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, như sau:

I. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán cơ bản đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên vẫn còn một số vi phạm như: Thông báo cho đương sự nộp tiền tạm ứng án phí chậm; Phân công thẩm phán tiến hành giải quyết vụ án chậm.

2. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn, bị đơn Hoàng Thị H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn Lê Ngọc T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Ngọc Đ, Lê Minh A thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, xét thấy việc vi phạm đó không ảnh hưởng nghiêm trọng đến quá trình giải quyết vụ án.

II. Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Căn cứ Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Buộc ông Lê Ngọc T và bà Hoàng Thị H phải trả nợ cho Ngân hàng N1, chi nhánh T1 số tiền tạm tính đến ngày 07/8/2024 là 295.286.248 đồng, trong đó: Nợ gốc 260.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 16.364.056 đồng; Lãi quá hạn 18.922.192 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông Lê Ngọc T và bà Hoàng Thị H không trả được nợ thì Ngân hàng N1 được quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản bảo đảm cho khoản vay là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Hộ ông Lê Ngọc T, bà Hoàng Thị H tại thửa đất số: 141a, tờ bản đồ số 9; địa chỉ thửa đất: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: AP 447319, số vào sổ cấp GCN: H00891 do UBND huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 05/01/2009, để thanh toán cho khoản vay.

- Về án phí: Buộc bị đơn ông Lê Ngọc T và bà Hoàng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng N1 - Chi nhánh huyện T1 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Bị đơn là ông Lê Ngọc T, cư trú tại thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Qúa trình giải quyết vụ án, theo đơn khởi kiện của Nguyên đơn là Ngân hàng N1, Tòa án đã thụ lý vụ án, xác định bà Hoàng Thị H (là vợ ông Lê Ngọc T) là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và ý kiến đề nghị của Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa, có cơ sở xác định, địa vị tố tụng của bà Hoàng Thị H trong vụ án, là bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Lê Ngọc T và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Ngọc Đ, anh Lê Minh A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Lê Ngọc T và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Ngọc Đ, anh Lê Minh A.

[2] Xét Hợp đồng tín dụng số 3511-LAV-202000526, ngày 18 tháng 01 năm 2020 và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, thấy rằng: Hợp đồng tín dụng số 3511-LAV-202000526, ngày 18 tháng 01 năm 2020 được Ngân hàng N1 – Chi nhánh huyện T1 với ông Lê Ngọc T tự nguyện ký kết, mục đích và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội. Trước đó ngày 17/01/2020 bà Hoàng Thị H (là vợ ông Lê Ngọc T) có viết giấy ủy quyền, ủy quyền cho ông Lê Ngọc T là người đại diện thay mặt, xác lập và thực hiện các giao dịch liên quan đến việc vay vốn tại Ngân hàng N1, chi nhánh huyện T1. Do đó, Hợp đồng tín dụng số 3511-LAV-202000526, ngày 18 tháng 01 năm 2020 ký kết giữa Ngân hàng N1, chi nhánh huyện T1 với ông Lê Ngọc T có hiệu lực pháp luật, là cơ sở làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa hai bên. Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có tính lãi.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[3.1] Ngày 17/01/2020 bà Hoàng Thị H (là vợ ông Lê Ngọc T) có viết giấy ủy quyền, ủy quyền cho ông T là người đại diện thay mặt, xác lập và thực hiện các giao dịch liên quan đến việc vay vốn tại Ngân hàng N1, chi nhánh huyện T1. Ngày 18/01/2020 Ngân hàng N1 – Chi nhánh huyện T1 và ông Lê Ngọc T đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 3511-LAV-202000526, vay vốn với tổng số tiền: 280.000.000

đồng; Mục đích vay: Sản xuất chăn nuôi trông trọt tổng hợp; Kỳ hạn trả gốc: 21/01/2023. Sau khi ký hợp đồng, Ngân hàng N1 – Chi nhánh huyện T1 đã giao đủ số tiền vay là 280.000.000 đồng cho ông Lê Ngọc T. Qúa trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông T mới chỉ thanh toán được số tiền gốc 20.000.000 đồng, tiền lãi là 47.094.574 đồng. Tính đến ngày 07/8/2024 còn nợ Ngân hàng N1 tổng số tiền như sau: Nợ gốc 260.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 16.364.056 đồng; Lãi quá hạn 18.922.192 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi: 295.286.248 đồng. Như vậy, là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, nên việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả số tiền nợ gốc và tiền lãi còn lại, là có căn cứ theo quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3.2] Hợp đồng tín dụng số 3511-LAV-202000526, ngày 18 tháng 01 năm 2020 thể hiện chỉ có một mình ông Lê Ngọc T ký tên bên vay. Tuy nhiên, trước đó ngày 17/01/2020 bà Hoàng Thị H (là vợ ông Lê Ngọc T) có viết giấy ủy quyền, ủy quyền cho ông T là người đại diện thay mặt, xác lập và thực hiện các giao dịch liên quan đến việc vay vốn tại Ngân hàng N1 - chi nhánh huyện T1. Tại mục 2 Bên vay của Hợp đồng tín dụng, cũng thể hiện rõ: Bên vay gồm: Ông Lê Ngọc T và những ông (bà) có tên trong giấy ủy quyền ngày 17/01/2020 mà ông Lê Ngọc T là người đại diện. Vì vậy, cần buộc ông Lê Ngọc T và bà Hoàng Thị H cùng phải có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng N1, là có căn cứ pháp luật.

[3.3] Xét yêu cầu của Ngân hàng N1 về việc buộc ông T, bà H phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi phát sinh từ ngày 08/8/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ dư nợ vay theo quy định tại hợp đồng, là phù hợp với quy định tại Hợp đồng tín dụng và các quy định của pháp luật. Do đó, được chấp nhận.

[3.4] Đối với yêu cầu của Ngân hàng N1 được xử lý tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay của ông Lê Ngọc T và bà Hoàng Thị H, thấy rằng:

[3.4.1] Khi hai bên ký kết Hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số 3511-LAV-202000526, ngày 18 tháng 01 năm 2020, hai bên không ký kết lại hợp đồng thế chấp, mà thống nhất sử dụng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3511/0023/29/2016 ký ngày 27/12/2016 đã được Hộ ông Lê Ngọc T, bà Hoàng Thị H (gồm các thành viên: Ông Lê Ngọc T, bà Hoàng Thị H (vợ) và các con là anh Lê Ngọc Đ, anh Lê Minh A) và Ngân hàng N1 - chi nhánh huyện T1 ký kết trước đó để đảm bảo cho khoản vay của ông T, bà H theo hợp đồng tín dụng nêu trên tại Ngân hàng N1 - chi nhánh huyện T1. Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3511/0023/29/2016 ký ngày 27/12/2016 là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Hộ ông Lê Ngọc T, bà Hoàng Thị H tại Thửa đất số 141a, tờ bản đồ số 9; Địa chỉ thửa đất: Xóm B (nay là thôn N), xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mang tên Hộ ông Lê Ngọc T và bà Hoàng Thị H, số giấy chứng nhận: AP 447319; Số vào sổ cấp GCN: H00891 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 05/01/2009 (Ngày 02/11/2016, được UBND huyện T đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất), đã được công chứng tại Văn phòng C ngày 27/12/2016 và thực hiện đăng ký giao dịch đảm bảo

theo quy định. Như vậy, là phù hợp với quy định tại Điều 2 về "nghĩa vụ được đảm bảo" của Hợp đồng thế chấp và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.4.2] Xét Hợp đồng thế chấp được các bên tự nguyện ký kết, mục đích và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội; Hợp đồng được lập tại Văn phòng C và được đăng ký thế chấp theo quy định. Như vậy, Hợp đồng thế chấp là hợp pháp và có hiệu lực pháp luật. Do đó, trong trường hợp ông T, bà H không thanh toán được nợ cho Ngân hàng N1 thì phải xử lý, phát mại tài sản thế chấp để thu nợ cho Ngân hàng là cần thiết, có căn cứ theo quy định tại các Điều 292, 298, 299, 317 và 319 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/2/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng.

[4] Đối với đề nghị của bị đơn Hoàng Thị H về việc: Xin ngân hàng tạo điều kiện cho gia đình ông T, bà H được trả nợ dân hàng tháng và miễn giảm tiền lãi, lãi phạt và lãi quá hạn cho gia đình có điều kiện trả nợ. Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng N1 có ý kiến không đồng ý. Do đó, không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên buộc bị đơn ông Lê Ngọc T và bà Hoàng Thị H phải chịu toàn bộ chi phí. Qúa trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng N1 đã nộp tạm ứng và đã chi hết số tiền trên, nên ông Lê Ngọc T và bà Hoàng Thị H phải thanh toán lại cho Ngân hàng N1 số tiền là 3.000.000 đồng.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn là ông Lê Ngọc T, bà Hoàng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí, nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 280, 292, 293, 298, 299, 317, 318, 319, 323, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào khoản 6 Điều 19, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

X:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng N1.

Buộc ông Lê Ngọc T và bà Hoàng Thị H có nghĩa vụ phải trả nợ cho Ngân hàng N1 tổng số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 3511-LAV-202000526, ngày 18 tháng 01 năm 2020, tính đến ngày 07/8/2024 là 295.286.248 đồng, trong đó: Nợ gốc 260.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 16.364.056 đồng; Lãi quá hạn 18.922.192 đồng.

Trong trường hợp ông Lê Ngọc T và bà Hoàng Thị H không trả được nợ thì Ngân hàng N1 được quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản bảo đảm cho khoản vay là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Hộ ông Lê Ngọc T, bà Hoàng Thị H tại thửa đất số: 141a, tờ bản đồ số 9; địa chỉ thửa đất: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: AP 447319, số vào sổ cấp GCN: H00891 do UBND huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 05/01/2009, mang tên Hộ ông Lê Ngọc T, bà Hoàng Thị H. Tài sản được thế chấp tại Ngân hàng N1, chi nhánh huyện T1, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3511/0023/29/2016 ký ngày 27/12/2016; Số công chứng 3453, Quyển số: 03 TP/CC-SCC-HĐGD do Văn phòng C, công chứng ngày 27/12/2016.

Kể từ ngày 08/8/2024 ông Lê Ngọc T và bà Hoàng Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Tổ chức tín dụng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Tổ chức tín dụng cho vay.

2. Về thanh toán chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Ông Lê Ngọc T và bà Hoàng Thị H phải thanh toán tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng N1 số tiền là 3.000.000 đồng.

3. Về án phí: Buộc ông Lê Ngọc T và bà Hoàng Thị H phải nộp 14.764.300 đồng, tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng N1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.093.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005057 ngày 10/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Minh Tiến